

Số: 670 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với giáo viên chủ nhiệm
năm học 2023 - 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 992/QĐ-MĐC ngày 31/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định về giáo viên chủ nhiệm;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với giáo viên chủ nhiệm năm học 2023 - 2024 gồm các cá nhân có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Lưu: HCTH, TCCB₍₀₈₎.

HIỆU TRƯỞNG


GS.TS Trần Thanh Hải

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM NĂM HỌC 2023 - 2024
(Kèm theo Quyết định số: 670/QĐ-MĐC ngày 29 tháng 4 năm 2025)

STT	Họ tên GVCN	Khoa	Lớp chủ nhiệm	Mức xếp loại chất lượng			
				HT XSNV	HTT NV	HTNV	Không HTNV
1	Nguyễn Thế Bình	Khoa CNTT	Tin học Kinh tế B-K64	x			
2	Hoàng Anh Đức	Khoa CNTT	Công nghệ phần mềm A-K64	x			
3	Hoàng Anh Đức	Khoa CNTT	Công nghệ phần mềm B-K64	x			
4	Nguyễn Thủy Dương	Khoa CNTT	Khoa học máy tính ứng dụng A-K64	x			
5	Nguyễn Thủy Dương	Khoa CNTT	Khoa học máy tính ứng dụng B-K64	x			
6	Diễm Công Hoàng	Khoa CNTT	Mạng máy tính A-K64				x
7	Vũ Thị Kim Liên	Khoa CNTT	Tin học Kinh tế A-K64	x			
8	Vũ Lan Phương	Khoa CNTT	Hệ thống Thông tin B-K64		x		
9	Ngô Thị Phương Thảo	Khoa CNTT	CNTT Địa học K64		x		
10	Dương Chi Thiện	Khoa CNTT	Hệ thống Thông tin A-K64		x		
11	Đào Anh Thư	Khoa CNTT	Mạng máy tính B-K64		x		
12	Nguyễn Thị Phương Bắc	Khoa CNTT	Khoa học máy tính A-K65	x			
13	Nguyễn Thị Phương Bắc	Khoa CNTT	Khoa học máy tính B-K65	x			
14	Nguyễn Thế Bình	Khoa CNTT	Tin học kinh tế B-K65		x		
15	Phạm Văn Đồng	Khoa CNTT	Công nghệ phần mềm B-K65		x		
16	Trần Trường Giang	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin Địa học A-K65	x			
17	Đỗ Như Hải	Khoa CNTT	Mạng máy tính A-K65	x			
18	Trần Thị Hòa	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin Địa học B-K65	x			
19	Nguyễn Thế Lộc	Khoa CNTT	Công nghệ phần mềm C-K65	x			
20	Phạm Thị Nguyệt	Khoa CNTT	Tin học kinh tế A-K65	x			
21	Nguyễn Thị Hữu Phương	Khoa CNTT	Công nghệ phần mềm A-K65	x			
22	Vũ Lan Phương	Khoa CNTT	Hệ thống thông tin B-K65	x			
23	Vương Thị Như Quỳnh	Khoa CNTT	Hệ thống thông tin A-K65	x			
24	Trần Thị Thu Thủy	Khoa CNTT	Mạng máy tính B-K65	x			
25	Lê Hồng Anh	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin (CLC)-K66A2	x			
26	Nguyễn Tuấn Anh	Khoa CNTT	Mạng máy tính C-K66		x		
27	Nguyễn Thị Phương Bắc	Khoa CNTT	Khoa học máy tính ứng dụng B-K66	x			
28	Phạm Văn Đồng	Khoa CNTT	Công nghệ phần mềm D-K66		x		
29	Nguyễn Thị Mai Dung	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin (CLC)-K66A1	x			
30	Nguyễn Thủy Dương	Khoa CNTT	Khoa học máy tính ứng dụng C-K66	x			
31	Nguyễn Thủy Dương	Khoa CNTT	Khoa học máy tính ứng dụng D-K66	x			
32	Trần Trường Giang	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin địa học A-K66	x			
33	Đỗ Như Hải	Khoa CNTT	Mạng máy tính D-K66	x			
34	Nguyễn Thu Hằng	Khoa CNTT	Tin học Kinh tế A-K66	x			
35	Phạm Đức Hậu	Khoa CNTT	Hệ thống thông tin E-K66		x		
36	Phạm Quang Hiến	Khoa CNTT	Tin học Kinh tế E-K66	x			
37	Trần Thị Hòa	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin địa học B-K66		x		
38	Trần Mai Hương	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin địa học D-K66	x			
39	Vũ Thị Kim Liên	Khoa CNTT	Tin học Kinh tế C-K66	x			
40	Vũ Thị Kim Liên	Khoa CNTT	Tin học Kinh tế D-K66	x			

STT	Họ tên GVCN	Khoa	Lớp chủ nhiệm	Mức xếp loại chất lượng			
				HT XSNV	HTT NV	HTNV	Không HTNV
41	Nguyễn Thế Lộc	Khoa CNTT	Công nghệ phần mềm A-K66	x			
42	Nguyễn Hoàng Long	Khoa CNTT	Khoa học Dữ liệu-K66	x			
43	Đặng Hữu Nghi	Khoa CNTT	Công nghệ phần mềm C-K66	x			
44	Đinh Bảo Ngọc	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin địa học C-K66	x			
45	Phạm Thị Nguyệt	Khoa CNTT	Tín học Kinh tế B-K66	x			
46	Nông Thị Oanh	Khoa CNTT	Khoa học máy tính ứng dụng A-K66	x			
47	Nông Thị Oanh	Khoa CNTT	Khoa học máy tính ứng dụng B-K66	x			
48	Nguyễn Thị Hữu Phương	Khoa CNTT	Công nghệ phần mềm B-K66	x			
49	Vũ Lan Phương	Khoa CNTT	Hệ thống thông tin D-K66	x			
50	Vương Thị Như Quỳnh	Khoa CNTT	Hệ thống thông tin A-K66	x			
51	Nguyễn Thị Thanh	Khoa CNTT	Công nghệ phần mềm E-K66	x			
52	Dương Chi Thiện	Khoa CNTT	Hệ thống thông tin B-K66	x			
53	Dương Chi Thiện	Khoa CNTT	Hệ thống thông tin C-K66	x			
54	Đào Anh Thư	Khoa CNTT	Mạng máy tính E-K66	x			
55	Diễm Thị Thùy	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin địa học E-K66	x			
56	Đặng Quốc Trung	Khoa CNTT	Mạng máy tính B-K66		x		
57	Đào Thị Tuyết	Khoa CNTT	Mạng máy tính A-K66	x			
58	Bùi Thị Vân Anh	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin_K67D2	x			
59	Trương Xuân Bình	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin_K67F2		x		
60	Trần Trung Chuyên	Khoa CNTT	Khoa học Dữ liệu_K67A	x			
61	Phạm An Cường	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin_K67F1		x		
62	Hoàng Anh Đức	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin_K67C1	x			
63	Phạm Quang Hiến	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin_K67B1	x			
64	Phạm Quang Hiến	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin_K67B2	x			
65	Diễm Công Hoàng	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin (CLC)_K67C				x
66	Lê Văn Hưng	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin (CLC)_K67B				x
67	Trần Mai Hương	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin_K67A1	x			
68	Nguyễn Duy Huy	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin (CLC)_K67A	x			
69	Đinh Bảo Ngọc	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin_K67A2	x			
70	Nông Thị Oanh	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin_K67C2	x			
71	Vương Thị Như Quỳnh	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin_K67D1	x			
72	Dương Thị Tâm	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin_K67E2	x			
73	Dương Thị Hiền Thanh	Khoa CNTT	Khoa học Dữ liệu_K67B	x			
74	Đào Thị Tuyết	Khoa CNTT	Công nghệ thông tin_K67E1	x			
75	Nguyễn Thu Hằng	Khoa CNTT	Khoa học Dữ liệu B-K68	x			
76	Nguyễn Hoàng Long	Khoa CNTT	Khoa học Dữ liệu A-K68		x		
77	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa CNTT	Công nghệ Thông tin A-K68	x			
78	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa CNTT	Công nghệ Thông tin B-K68	x			
79	Bùi Minh Hoàng	Khoa Cơ - Điện	DCCDTM64	x			
80	Nguyễn Khắc Linh	Khoa Cơ - Điện	DCCDOTO65		x		
81	Ngô Thanh Tuấn	Khoa Cơ - Điện	DCCDHTD65	x			
82	Phạm Tuấn Long	Khoa Cơ - Điện	DCCDTM65	x			

STT	Họ tên GVCN	Khoa	Lớp chủ nhiệm	Mức xếp loại chất lượng			
				HT XSNV	HTT NV	HTNV	Không HTNV
83	Kim Cẩm Ánh	Khoa Cơ - Điện	DCCDT65		x		
84	Nguyễn Thế Lực	Khoa Cơ - Điện	DCCDT65		x		
85	Đỗ Như Ý	Khoa Cơ - Điện	DCCDDCN65	x			
86	Lê Xuân Thành	Khoa Cơ - Điện	DCCDDCN66	x			
87	Dặng Vũ Đình	Khoa Cơ - Điện	DCCDOT66	x			
88	Doàn Kim Bình	Khoa Cơ - Điện	DCCDTM66	x			
89	Nguyễn Khắc Linh	Khoa Cơ - Điện	DCCDMT66		x		
90	Nguyễn Văn Xô	Khoa Cơ - Điện	DCCDCDT66B	x			
91	Doàn Kim Bình	Khoa Cơ - Điện	DCCDDL66		x		
92	Nguyễn Thế Hoàng	Khoa Cơ - Điện	DCCDCDT66A	x			
93	Uông Quang Tuyển	Khoa Cơ - Điện	DCCDT66A1	x			
94	Tổng Ngọc Anh	Khoa Cơ - Điện	DCCDKTD66-03		x		
95	Đào Hiếu	Khoa Cơ - Điện	DCCDT66B1	x			
96	Đào Hiếu	Khoa Cơ - Điện	DCCDT66B2	x			
97	Uông Quang Tuyển	Khoa Cơ - Điện	DCCDT66A2	x			
98	Uông Quang Tuyển	Khoa Cơ - Điện	DCCDT66C1	x			
99	Nguyễn Thị Bích Hậu	Khoa Cơ - Điện	DCCDHTD66		x		
100	Dặng Vũ Đình	Khoa Cơ - Điện	DCCDOT67C		x		
101	Doàn Công Luận	Khoa Cơ - Điện	DCCDCDT67A	x			
102	Doàn Công Luận	Khoa Cơ - Điện	DCCDCDT67B	x			
103	Doàn Công Luận	Khoa Cơ - Điện	DCCDCDT67C	x			
104	Nguyễn Thế Hoàng	Khoa Cơ - Điện	DCCDOT67A	x			
105	Bùi Minh Hoàng	Khoa Cơ - Điện	DCCDDL67		x		
106	Nguyễn Thế Hoàng	Khoa Cơ - Điện	DCCDOT67B	x			
107	Bùi Ngọc Hưng	Khoa Cơ - Điện	DCCDKTD67_03		x		
108	Nguyễn Trường Giang	Khoa Cơ - Điện	DCCDKTDDT67		x		
109	Đào Hiếu	Khoa Cơ - Điện	DCCDROBOT67	x			
110	Nguyễn Thế Lực	Khoa Cơ - Điện	DCCDT67B		x		
111	Nguyễn Thế Lực	Khoa Cơ - Điện	DCCDT67A		x		
112	Thái Hải Âu	Khoa Cơ - Điện	DCCDT67C		x		
113	Trần Đức Huân	Khoa Cơ - Điện	DCCDTM67A	x			
114	Hồ Việt Bun	Khoa Cơ - Điện	DCCDDCN67		x		
115	Trần Đức Huân	Khoa Cơ - Điện	DCCDTM67B	x			
116	Phạm Trung Sơn	Khoa Cơ - Điện	DCCDHTD67		x		
117	Dặng Vũ Đình	Khoa Cơ - Điện	DCCDK68	x			
118	Trần Viết Linh	Khoa Cơ - Điện	DCCDCDT68		x		
119	Trần Viết Linh	Khoa Cơ - Điện	DCCDOT68	x			
120	Nguyễn Thanh Tùng	Khoa Cơ - Điện	DCCDDL68		x		
121	phạm Thị Thanh Loan	Khoa Cơ - Điện	DCCDT68A		x		
122	phạm Thị Thanh Loan	Khoa Cơ - Điện	DCCDT68B		x		
123	phạm Thị Thanh Loan	Khoa Cơ - Điện	DCCDROBOT68		x		
124	Kim Cẩm Ánh	Khoa Cơ - Điện	DCCDKTDDT68	x			

STT	Họ tên GVCN	Khoa	Lớp chủ nhiệm	Mức xếp loại chất lượng			
				HIT XSNV	HIT NV	HTNV	Không HTNV
125	Ngô Thanh Tuấn	Khoa Cơ - Điện	DCCDKTD68A		x		
126	Ngô Thanh Tuấn	Khoa Cơ - Điện	DCCDKTD68B		x		
127	Ngô Thanh Tuấn	Khoa Cơ - Điện	DCCDKTD68C		x		
128	Ngô Thanh Tuấn	Khoa Cơ - Điện	DCCDKTD68D		x		
129	Phạm Quang Ba	Văn phòng CTTT	CTTT66		x		
130	Vũ Thu Hương	Văn phòng CTTT	CTTT67		x		
131	Phạm Quang Ba	Văn phòng CTTT	CTTT68		x		
132	Vũ Thu Hương	Văn phòng CTTT	CTTT69		x		
133	Nguyễn Thị Linh	Khoa Dầu khí và NL	DCDKLD64 VT	x			
134	Nguyễn Khắc Long	Khoa Dầu khí và NL	DCDKKK64		x		
135	Bùi Thị Lệ Thủy	Khoa Dầu khí và NL	DCDKLD64		x		
136	Nguyễn Thị Linh	Khoa Dầu khí và NL	DCDKLD65	x			
137	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Dầu khí và NL	DCDKDK65		x		
138	Trần Ngọc Tuấn	Khoa Dầu khí và NL	DCDKLD66	x			
139	Nguyễn Văn Thành	Khoa Dầu khí và NL	DCDKKK66		x		
140	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Dầu khí và NL	DCDKTB66		x		
141	Tổng Thị Thanh Hương	Khoa Dầu khí và NL	DCDKLD67	x			
142	Phan Thị Hồng	Khoa Dầu khí và NL	DCDKCNS67	x			
143	Phan Thị Hồng	Khoa Dầu khí và NL	DCDKDV67	x			
144	Phan Thị Hồng	Khoa Dầu khí và NL	DCDKKH67	x			
145	Doãn Thị Trâm	Khoa Dầu khí và NL	DCDKDK67	x			
146	Doãn Thị Trâm	Khoa Dầu khí và NL	DCDKTN67	x			
147	Phan Thị Hồng	Khoa Dầu khí và NL	DCDKCNS68	x			
148	Phan Thị Hồng	Khoa Dầu khí và NL	DCDKDV68	x			
149	Phan Thị Hồng	Khoa Dầu khí và NL	DCDKKH68	x			
150	Phan Thị Hồng	Khoa Dầu khí và NL	DCDKTN68	x			
151	Ngô Hà Sơn	Khoa Dầu khí và NL	DCDKLD68	x			
152	Bùi Thị Ngân	Khoa Dầu khí và NL	DCDKDK68	x			
153	Bùi Vinh Hậu	Khoa KH&KT Địa chất	Địa chất học K65	x			
154	Ngô Thị Kim Chi	Khoa KH&KT Địa chất	Địa chất học K66	x			
155	Nguyễn Thị Nu	Khoa KH&KT Địa chất	Địa kỹ thuật xây dựng K66	x			
156	Phan Văn Bình	Khoa KH&KT Địa chất	Du lịch DC K66	x			
157	Vũ Anh Đạo	Khoa KH&KT Địa chất	Địa chất học K67	x			
158	Lê Thị Thu	Khoa KH&KT Địa chất	Kỹ thuật địa chất K67-02	x			
159	Hà Thành Như	Khoa KH&KT Địa chất	Đá quý-Đá mỹ nghệ K67		x		
160	Nguyễn Hữu Hiệp	Khoa KH&KT Địa chất	Du lịch địa chất K67	x			
161	Phan Việt Sơn	Khoa KH&KT Địa chất	Kỹ thuật địa chất K67-05	x			
162	Phạm Thị Việt Nga	Khoa KH&KT Địa chất	Địa kỹ thuật xây dựng K67				x
163	Phan Văn Bình	Khoa KH&KT Địa chất	Du lịch DC K68	x			
164	Nguyễn Thành Dương	Khoa KH&KT Địa chất	Địa kỹ thuật xây dựng K68		x		
165	Vũ Thu Hiền	Khoa KH&KT Địa chất	Kỹ thuật tái nguyên nước K68		x		
166	Nguyễn Đình Luyện	Khoa KH&KT Địa chất	Kỹ thuật địa chất K68		x		

STT	Họ tên GVCN	Khoa	Lớp chủ nhiệm	Mức xếp loại chất lượng			
				HT XSNV	HTT NV	HTNV	Không HTNV
167	Nguyễn Hữu Trọng	Khoa KH&KT Địa chất	Đá quý - Đá mỹ nghệ K68			x	
168	Vũ Anh Đạo	Khoa KH&KT Địa chất	Địa chất học K68	x			
169	Nguyễn Thị Kim Thoa	Khoa Khoa học Cơ bản	DCCBHD67	x			
170	Nguyễn Thị Kim Thoa	Khoa Khoa học Cơ bản	DCCBHD68	x			
171	Phan Thị Thủy Linh	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKDTM65C	x			
172	Phan Thị Thủy Linh	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKDTM65D	x			
173	Nguyễn Văn Thương	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKDTM65A	x			
174	Nguyễn Văn Thương	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKDTM65B	x			
175	Nguyễn Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD65_A	x			
176	Nguyễn Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD65_B	x			
177	Nguyễn Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD65_C	x			
178	Phan Minh Quang	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKT65A1	x			
179	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKT65B1	x			
180	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKT65B2	x			
181	Lê Thị Thu Hồng	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKT65C1	x			
182	Phi Thị Kim Thu	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTTN65_A	x			
183	Phi Thị Kim Thu	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTTN65_B	x			
184	Lê Văn Chiến	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD66-04E	x			
185	Lê Văn Chiến	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD66-04F	x			
186	Phạm Kiên Trung	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD66-04A	x			
187	Phạm Kiên Trung	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD66-04B	x			
188	Nguyễn Đức Thắng	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD66-04G	x			
189	Nguyễn Đức Thắng	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD66-04H	x			
190	Đồng Thị Bích	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTCN66B	x			
191	Nguyễn Thị Hoài Nga	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTCN66A	x			
192	Lê Đình Chiêu	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD66_04C	x			
193	Lê Đình Chiêu	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD66_04D	x			
194	Nguyễn Thanh Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD66-05C	x			
195	Nguyễn Thanh Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD66-05D	x			
196	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD66_05A	x			
197	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD66_05B	x			
198	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD66_05E	x			
199	Trần Văn Hiệp	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD66_01A	x			
200	Trần Văn Hiệp	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD66_01B	x			
201	Trần Văn Hiệp	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD66_01C	x			
202	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTTN66B1	x			
203	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTTN66B2	x			
204	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTTN66C1	x			
205	Nguyễn Thị Kim Liên	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTTN66C2	x			
206	Nguyễn Thị Kim Oanh	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKT66E1	x			
207	Dương Thị Nhân	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTTN66A1	x			
208	Dương Thị Nhân	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTTN 66A2	x			

STT	Họ tên GVCN	Khoa	Lớp chủ nhiệm	Mức xếp loại chất lượng			
				HT XSNV	HTT NV	HTNV	Không HTNV
209	Lê Thị Thu Hồng	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKT66D1	x			
210	Lê Thị Thu Hồng	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKT66E2	x			
211	Nguyễn Tiến Hưng	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKT66A1	x			
212	Nguyễn Tiến Hưng	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKT66A2	x			
213	Nguyễn Tiến Hưng	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKT66B1	x			
214	Phạm Thu Hương	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKT66B2	x			
215	Phạm Thu Hương	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKT66C1	x			
216	Phạm Thu Hương	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKT66C2	x			
217	Lưu Thị Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD66_D2	x			
218	Lưu Thị Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD66_F1	x			
219	Lưu Thị Thu Hà	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD66_F2	x			
220	Nguyễn Thị Hường	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTCN67-02A	x			
221	Nguyễn Thị Hường	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTCN67-02B	x			
222	Lê Văn Chiến	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD67-04A	x			
223	Lê Văn Chiến	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD67-04B	x			
224	Nguyễn Đức Thắng	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD67-04C	x			
225	Nguyễn Đức Thắng	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD67-04D	x			
226	Lê Đình Chiêu	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTCN6701A	x			
227	Lê Đình Chiêu	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTCN6701B	x			
228	Phạm Ngọc Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD67_01A	x			
229	Phạm Ngọc Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD67_01B	x			
230	Phạm Ngọc Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD67_05A	x			
231	Phạm Ngọc Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD67_05B	x			
232	Phạm Ngọc Tuấn	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD67_05C	x			
233	Nguyễn Thị Minh Thu	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKT67A1	x			
234	Nguyễn Thị Minh Thu	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKT67A2	x			
235	Nguyễn Thị Minh Thu	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKT67B1	x			
236	Hoàng Thị Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTTN67A	x			
237	Hoàng Thị Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTTN67B	x			
238	Hoàng Thị Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTTN67C	x			
239	Vũ Thị Như Quỳnh	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKT67B2	x			
240	Vũ Thị Như Quỳnh	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKT67C1	x			
241	Vũ Thị Như Quỳnh	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKT67C2	x			
242	Phan Thị Thủy Linh	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTCN68A	x			
243	Phan Thị Thủy Linh	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTCN68B	x			
244	Nguyễn Thanh Thủy	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKD68	x			
245	Phạm Thị Hồng Hạnh	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTTN68	x			
246	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Kinh tế - QTKD	DCKTKT68	x			
247	Trần Đình Bảo	Khoa Mô	Khai thác mỏ K65	x			
248	Trần Trung Tới	Khoa Mô	Tuyển khoáng K65			x	
249	Vũ Thái Tiến Dũng	Khoa Mô	Khai thác mỏ K66	x			
250	Phạm Văn Việt	Khoa Mô	Khai thác mỏ K67	x			

STT	Họ tên GVCN	Khoa	Lớp chủ nhiệm	Mức xếp loại chất lượng			
				HT XSNV	HTT NV	HTNV	Không HTNV
251	Trần Văn Dươc	Khoa Mô	Tuyển khoáng K67		x		
252	Lê Thị Thu Hoa	Khoa Mô	An toàn, VSLĐ K67		x		
253	Lê Tiến Dũng	Khoa Mô	Khai thác mỏ K68		x		
254	Phạm Thanh Hải	Khoa Mô	Tuyển khoáng K68		x		
255	Đỗ Ngọc Hoàn	Khoa Mô	An toàn, VSLĐ K68	x			
256	Phạm Khánh Huy	Khoa Môi trường	Kỹ thuật môi trường_K65	x			
257	Trần Thị Ngọc	Khoa Môi trường	Kỹ thuật môi trường_K66	x			
258	Vũ Thị Lan Anh	Khoa Môi trường	Quản lý tài nguyên và môi trường_K66	x			
259	Đỗ Cao Cường	Khoa Môi trường	Kỹ thuật môi trường_K67	x			
260	Phan Thị Mai Hoa	Khoa Môi trường	Quản lý tài nguyên và môi trường_K67	x			
261	Nguyễn Thị Hoà	Khoa Môi trường	Kỹ thuật môi trường_K68	x			
262	Vũ Thị Phương Thảo	Khoa Môi trường	Quản lý tài nguyên và môi trường_A_K68	x			
263	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Môi trường	Quản lý tài nguyên và môi trường_B_K68	x			
264	Lê Văn Cảnh	Khoa TD-BĐ và QLDD	DCTDD65		x		
265	Phạm Thị Kim Thoa	Khoa TD-BĐ và QLDD	DCTDQD65	x			
266	Trần Thanh Hà	Khoa TD-BĐ và QLDD	DCTDDH65	x			
267	Đặng Thị Hoàng Nga	Khoa TD-BĐ và QLDD	DCTDQD66A1	x			
268	Đặng Thị Hoàng Nga	Khoa TD-BĐ và QLDD	DCTDQD66A2	x			
269	Lê Thanh Nghị	Khoa TD-BĐ và QLDD	DCTDDH66	x			
270	Hoàng Anh Tuấn	Khoa TD-BĐ và QLDD	DCTDD67_01		x		
271	Hoàng Anh Tuấn	Khoa TD-BĐ và QLDD	DCTDD67_06	x			
272	Nguyễn Hà	Khoa TD-BĐ và QLDD	DCTDQDTBDS67	x			
273	Đặng Thị Hoàng Nga	Khoa TD-BĐ và QLDD	DCTDQD67A	x			
274	Phạm Thị Kim Thoa	Khoa TD-BĐ và QLDD	DCTDQD67B		x		
275	Nguyễn Thị Dung	Khoa TD-BĐ và QLDD	DCTDQD67C	x			
276	Phạm Thị Thanh Hòa	Khoa TD-BĐ và QLDD	DCTDDH67	x			
277	Nguyễn Thị Kim Thanh	Khoa TD-BĐ và QLDD	DCTDQDTBDS68	x			
278	Phạm Thị Kim Thoa	Khoa TD-BĐ và QLDD	DCTDQD68A		x		
279	Nguyễn Thị Dung	Khoa TD-BĐ và QLDD	DCTDQD68B		x		
280	Lê Thanh Nghị	Khoa TD-BĐ và QLDD	DCTDDH68		x		
281	Lê Thị Thanh Tâm	Khoa TD-BĐ và QLDD	DCTDD68	x			
282	Phạm Thị Nhân	Khoa Xây dựng	DCXDĐC64	x			
283	Đặng Quang Huy	Khoa Xây dựng	DCXDĐT65	x			
284	Nguyễn Duyên Phong	Khoa Xây dựng	DCXDĐN65	x			
285	Tăng Văn Lâm	Khoa Xây dựng	DCXDĐC65	x			
286	Đặng Quang Huy	Khoa Xây dựng	DCXDĐ66_04	x			
287	Nguyễn Trọng Dũng	Khoa Xây dựng	DCXDGT66		x		
288	Ngô Xuân Hùng	Khoa Xây dựng	DCXDĐ66_03	x			
289	Nguyễn Chí Thành	Khoa Xây dựng	DCXDĐ66_02	x			
290	Đỗ Ngọc Thái	Khoa Xây dựng	DCXDQL67B	x			
291	Nguyễn Tài Tiến	Khoa Xây dựng	DCXDĐ67_02	x			
292	Hoàng Đình Phúc	Khoa Xây dựng	DCXDGT67	x			

STT	Họ tên GVCN	Khoa	Lớp chủ nhiệm	Mức xếp loại chất lượng			
				HT XSNV	HTT NV	HTNV	Không HTNV
293	Phạm Văn Hùng	Khoa Xây dựng	DCXDXD67_04	x			
294	Vũ Minh Ngân	Khoa Xây dựng	DCXDQI.67C	x			
295	Tăng Văn Lâm	Khoa Xây dựng	DCXDQI.67A		x		
296	Đặng Văn Phi	Khoa Xây dựng	DCXDXD67_03	x			
297	Đặng Văn Kiên	Khoa Xây dựng	DCXDTDN67	x			
298	Nguyễn Tài Tiến	Khoa Xây dựng	DCXDQI.68C	x			
299	Đặng Quang Huy	Khoa Xây dựng	DCXDGI68 B	x			
300	Phạm Thị Nhân	Khoa Xây dựng	DCXDQI.68B	x			
301	Phạm Văn Hùng	Khoa Xây dựng	DCXDXD68_04	x			
302	Nguyễn Trọng Dũng	Khoa Xây dựng	DCXDGI68 A		x		
303	Đào Viết Đoán	Khoa Xây dựng	DCXDXD68_02	x			
304	Đặng Văn Kiên	Khoa Xây dựng	DCXDTDN68	x			
305	Phạm Đức Thọ	Khoa Xây dựng	DCXDQI.68A	x			